

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

(Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0310710930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/03/2011; đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 09/04/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp.)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: /GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày / /2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung được cung cấp từ ngày / /2021, tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

Trụ sở chính : 107 đường 2A, Khu 5, ấp Bình Tả 1, Xã Đức Hòa Hạ, H. Đức Hoà, Long An

Điện thoại : (028) 36 207 540

Website : <https://vithacoplastic.com>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Trụ sở chính : Tầng 5, tòa nhà Artex, số 172 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : 024 6276 2666 Fax: 024 6276 5666

Website : <https://agriseco.com.vn>

Phu trách công bố thông tin

Họ tên : Ông Phan Văn Quân Chức vụ: Tổng giám đốc

Điện thoại : (028) 36 207 540



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

(Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0310710930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/03/2011; đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 09/04/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp.)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

- ❖ Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành
- ❖ Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- ❖ Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Giá khởi điểm đầu giá : 11.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Phương thức phát hành : Đấu giá công khai tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- ❖ Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 5.000.000 cổ phiếu
- ❖ Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá : 50.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT (AASCN)

Địa chỉ : 26 Nguyễn Huy Tự, P Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : 028 3910 4881 Fax: 028 3820 6881

Website : <https://aascn.com.vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Trụ sở chính : Tầng 5, tòa nhà Artex, số 172 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : 024 6276 2666 Fax: 024 6276 5666

Website : <https://agriseco.com.vn>

TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ : Số 02, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 024 3941 2626 Fax: 024 3936 0750

Website : <https://www.hnx.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

ĐT: (028) 36 207 540

Website: <https://vithacoplastic.com>



MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| PHẦN I: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..... | 1 |
| 1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 1 |
| 2. TỔ CHỨC TƯ VẤN..... | 1 |
| PHẦN II: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO..... | 2 |
| 1. RỦI RO VỀ KINH TẾ..... | 2 |
| BIỂU ĐỒ 1: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP QUA CÁC NĂM (%)..... | 2 |
| BIỂU ĐỒ 2: LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM QUA CÁC NĂM(%)..... | 3 |
| 2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP..... | 4 |
| 3. RỦI RO ĐẶC THÙ..... | 4 |
| 4. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN VÀ CỦA VIỆC SỬ DỤNG SỔ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN..... | 5 |
| 5. RỦI RO PHA LOÃNG..... | 6 |
| 6. RỦI RO QUẢN TRỊ CÔNG TY..... | 8 |
| 7. RỦI RO KHÁC..... | 9 |
| PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM..... | 10 |
| PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 13 |
| 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 13 |
| BẢNG 1: NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY..... | 13 |
| 2. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 14 |
| 3. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 16 |
| 4. CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 18 |
| 5. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NHỮNG CÔNG TY NĂM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH NĂM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN, PHẦN VỐN GÓP CHI PHỐI..... | 23 |
| 6. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 23 |
| KÊ TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN NAY CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN 07 ĐỢT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NHẪM MỤC ĐÍCH MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN NHƯ SAU:..... | 23 |
| 7. THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN GÓP VỐN, THOẢI VỐN LỚN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC..... | 26 |
| 8. THÔNG TIN VỀ CHỨNG KHOÁN ĐANG LƯU HÀNH..... | 26 |
| 9. THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI..... | 27 |
| 10. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH..... | 29 |
| SƠ ĐỒ 1: QUY TRÌNH SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY..... | 32 |



| | | |
|-----|--|----|
| 11. | CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG | 51 |
| 12. | CHÍNH SÁCH CÔ TỨC | 53 |
| 13. | THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH | 53 |
| 14. | CÁC THÔNG TIN, NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN, TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, ĐỢT CHÀO BÁN, GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN | 53 |
| 15. | THÔNG TIN VỀ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH KHÔNG THUỘC TRƯỜNG HỢP ĐANG BỊ TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ HOẶC ĐÃ BỊ KẾT ÁN VỀ MỘT TRONG CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ MÀ CHƯA ĐƯỢC XÓA ẮN TÍCH | 53 |

PHẦN V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

| | | |
|----|--|----|
| 1. | KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 54 |
| 2. | TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH | 58 |
| 3. | Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH | 62 |
| 4. | KẾ HOẠCH DOANH THU, LỢI NHUẬN VÀ CÔ TỨC | 63 |

PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

| | | |
|----|---|----|
| 1. | THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP | 66 |
| 2. | THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG LỚN | 66 |
| 3. | THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG | 67 |

PHẦN VII: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

| | | |
|-----|--|----|
| 1. | LOẠI CỔ PHIẾU | 81 |
| 2. | MỆNH GIÁ | 81 |
| 3. | TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CHÀO BÁN | 81 |
| 4. | TỔNG GIÁ TRỊ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN THEO MỆNH GIÁ | 81 |
| 5. | GIÁ CHÀO BÁN DỰ KIẾN | 81 |
| 6. | PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ | 81 |
| 7. | PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI | 83 |
| 8. | ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHIẾU | 84 |
| 9. | LỊCH TRÌNH DỰ KIẾN PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU | 84 |
| 10. | CÁC HẠN CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHIẾU | 85 |
| 11. | TÀI KHOẢN PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA CỔ PHIẾU | 85 |
| 12. | Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN VỀ ĐỢT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH | 85 |



| | | |
|-----|---|----|
| 13. | HỦY BỎ ĐỢT CHÀO BÁN | 85 |
| 14. | BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI | 86 |
| 15. | CÁC LOẠI THUÊ CÓ LIÊN QUAN..... | 88 |
| 16. | THÔNG TIN VỀ CÁC CAM KẾT | 88 |
| 17. | THÔNG TIN VỀ CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC ĐƯỢC CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH TRONG CÙNG ĐỢT | 89 |

PHẦN VIII: MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 89

| | | |
|----|---------------------------------|----|
| 1. | MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN..... | 89 |
| 2. | SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ DỰ ÁN:..... | 89 |
| 3. | CHIẾN LƯỢC KINH DOANH: | 90 |
| 4. | KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ DỰ ÁN:..... | 91 |
| 5. | HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ DỰ ÁN: | 91 |

PHẦN IX: KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN..... 93

| | | |
|----|---|----|
| 1. | DỰ KIẾN SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH..... | 93 |
| 2. | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH..... | 93 |

PHẦN X: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN..... 94

| | | |
|----|---|----|
| 1. | CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN..... | 94 |
| 2. | Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN | 94 |

PHẦN XI: CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 94

PHẦN XII: PHỤ LỤC..... 3

| | | |
|----|--|---|
| 1. | PHỤ LỤC I: GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP..... | 3 |
| 2. | PHỤ LỤC II: QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ. | 3 |
| 3. | PHỤ LỤC III: ĐIỀU LỆ CÔNG TY. | 3 |
| 4. | PHỤ LỤC IV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2019 VÀ 2020, BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2021. | 3 |
| 5. | CÁC PHỤ LỤC KHÁC. | 3 |



DANH MỤC BẢNG

| | |
|---|----|
| Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty | 13 |
| Bảng 2: Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị | 19 |
| Bảng 3: Danh sách Ban Kiểm soát | 19 |
| Bảng 4: Thành viên Ban Tổng Giám đốc | 20 |
| Bảng 5: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty | 24 |
| Bảng 6: Cơ cấu Cổ đông của Công ty | 26 |
| Bảng 7: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài với từng lĩnh vực kinh doanh của Công ty | 27 |
| Bảng 8: Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ | 35 |
| Bảng 9: Nguyên liệu chính dùng trong sản xuất | 36 |
| Bảng 10: Danh sách nhà cung cấp nguyên vật liệu | 36 |
| Bảng 11: Cơ cấu chi phí sản xuất qua các năm | 36 |
| Bảng 12: Thông tin về các tài sản lớn của Công ty | 37 |
| Bảng 13: Doanh thu của từng thị trường | 38 |
| Bảng 14: Lợi nhuận của từng thị trường | 38 |
| Bảng 15: Các hợp đồng Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết | 40 |
| Bảng 16: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn | 42 |
| Bảng 17: Tình hình lao động của Công ty | 51 |
| Bảng 18: Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty | 53 |
| Bảng 19: Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua các năm | 54 |
| Bảng 20: Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty | 58 |
| Bảng 21: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty | 58 |
| Bảng 22: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty | 58 |
| Bảng 23: Số năm khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình | 59 |
| Bảng 24: Mức lương bình quân | 59 |
| Bảng 25: Số dư các khoản thuế phải nộp của Công ty | 60 |
| Bảng 26: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty qua các năm | 60 |
| Bảng 27: Số dư các khoản vay của Công ty qua các năm | 60 |
| Bảng 28: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty | 60 |
| Bảng 29: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty | 61 |
| Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty giai đoạn 2019 - 2020 | 62 |
| Bảng 31: Kế hoạch hoạt động kinh doanh và ngân sách tài chính năm 2021 | 63 |
| Bảng 32: Năng lực sản xuất nhà máy | 63 |
| Bảng 33: Thông tin về cổ đông lớn | 66 |
| Bảng 34: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu thông qua đấu giá | 84 |
| Bảng 35: Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành | 93 |



DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm (%)..... 2

Biểu đồ 2: Lạm phát ở Việt Nam qua các năm(%) 3

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty 18

Sơ đồ 2: Quy trình sản xuất của Công ty 32



PHẦN I: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI
DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA VIỆT THÀNH

| | |
|-----------------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Tuấn | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Phan Văn Quân | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Yến Nga | Chức vụ: Kế toán trưởng |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Đại diện được ủy quyền

Ông **Đinh Ngọc Phương** Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Theo Quyết định số 88A/QĐ-CT.HĐQT ngày 01/08/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị- Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 03/2021/AGRISECO-VIETTHANH ngày 10 tháng 03 năm 2021 với Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành cung cấp.

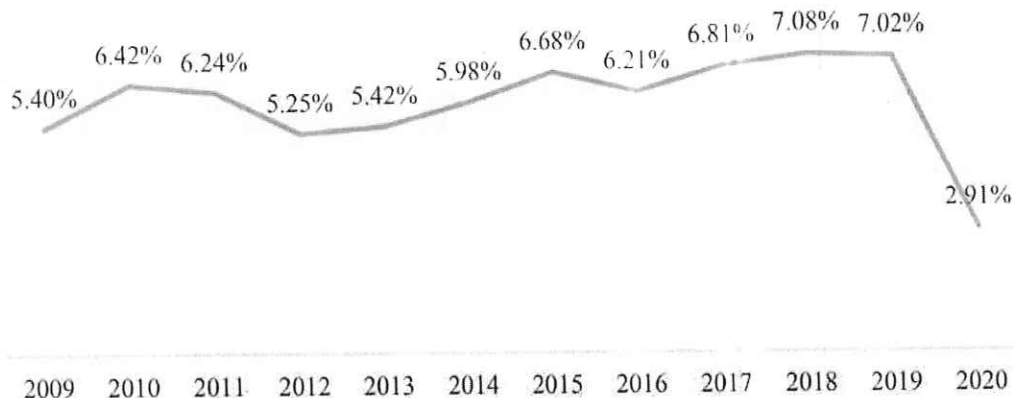
**PHẦN II: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

Là một công ty cổ phần hoạt động trong nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành chịu tác động trực tiếp từ thay đổi của nền kinh tế như tăng giảm tốc độ tăng trưởng GDP, biến động của lạm phát hay thay đổi trong chính sách tài khóa, tiền tệ và các rủi ro khác trong ngành.

1. Rủi ro về kinh tế**1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP)**

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP ước tính đạt 2,91%.

Trong mức tăng GDP chung toàn nền kinh tế năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5% vào tốc độ tăng GDP của cả nước.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm (%)

Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục thống kê

Sang năm 2021, mặc dù dịch bệnh COVID-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến khó lường, nhưng những dấu hiệu tích cực đang dần sáng rõ. Nền kinh tế thế giới sẽ ấm dần lên, kéo theo đó hoạt động đầu tư, thương mại của nền kinh tế nước ta. Theo dự báo của Viện Kinh tế Việt Nam, tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam dự báo đạt 5,49% (kịch bản cơ sở), 6,9% (kịch bản cao) và 3,48% (kịch bản thấp). Khả năng đạt được mỗi kịch bản trong thực tế phụ thuộc vào tình hình kinh tế thế giới và sự tăng cường năng lực hấp thụ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

1.2 Lạm phát

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, bình quân năm 2020, CPI tăng 3,23% so với năm 2019; trong đó: CPI khu vực thành thị tăng 2,91%, khu vực nông thôn tăng 3,53% so với năm



2019. Lạm phát cơ bản năm 2020 tăng 2,31% so với năm 2019. Năm 2020 được coi là thành công trong việc kiểm soát lạm phát.

Điều này phản ánh biến động giá chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, giá xăng dầu và giá dịch vụ giáo dục tăng. Lạm phát cơ bản so cùng kỳ giảm dần từ mức 3,25% trong tháng 1/2020 về mức 0,99% trong tháng 12/2020. Điều này phản ánh kết quả của điều hành chính sách tiền tệ trong năm 2020.

Biểu đồ 2: Lạm phát ở Việt Nam qua các năm(%)



Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục thống kê

Mục tiêu tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 đặt mục tiêu dưới 4%. Dù mục tiêu kiểm soát lạm phát thực hiện trong năm 2020 đã thành công ở mức 3,23%, song việc kiểm soát lạm phát năm 2021 vẫn đang hiện hữu nhiều thách thức do Chính phủ thực hiện các chính sách tài khoản và tiền tệ để hỗ trợ doanh nghiệp giảm tác động của Covid – 19.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại các sản phẩm nhựa, trong trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của Nhựa Việt Thành thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu, nhân công, lãi vay, v.v...

Tỷ lệ lạm phát nếu được duy trì ổn định ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của Nhựa Việt Thành, giúp Nhựa Việt Thành kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh.

1.3 Lãi suất

Năm 2020, kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng, cộng hưởng với đại dịch COVID-19 tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu. Năm 2020, NHNN đã điều chỉnh giảm 1,5-2,0%/năm lãi suất điều hành, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản, tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN; giảm 0,6-1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi VND các kỳ hạn dưới 6 tháng, giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với các lĩnh vực ưu tiên để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của



doanh nghiệp, người dân.

Mục tiêu của ngành Ngân hàng trong năm 2021 là điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiềm chế lạm phát bình quân; duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối.

Mức lãi suất ở mức phù hợp với khả năng chi trả của doanh nghiệp sẽ cải thiện tính thanh khoản cũng như tăng khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp cũng như của Nhựa Việt Thành. Nhựa Việt Thành có lợi thế khi năng lực tài chính mạnh mẽ, hệ số tín nhiệm tại các ngân hàng uy tín cao. Do đó, Nhựa Việt Thành luôn được các tổ chức tín dụng quan tâm và có những chính sách hỗ trợ, hợp tác, giúp cho các hoạt động của Nhựa Việt Thành được diễn ra thông suốt và tạo nên những giá trị lớn về kinh tế, xã hội.

1.4 Tỷ giá

Năm 2020, tỷ giá các đồng tiền trên thế giới biến động mạnh do chịu sự tác động nhiều chiều, trong đó tác động lớn nhất là từ đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, tỷ giá USD/VND tại Việt Nam khá ổn định. Tỷ giá trung tâm tăng khoảng 0,3% so với cuối năm 2019. Hiện nay, thanh khoản ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại dồi dào, dự trữ ngoại tệ dự kiến đạt mức 100 tỷ USD. Theo khuyến nghị của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Việt Nam cần tiếp tục củng cố ngoại hối trong bối cảnh thị trường quốc tế rất nhiều rủi ro.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nhựa như Nhựa Việt Thành, các nguyên vật liệu đều được nhập khẩu từ nước ngoài, nên sự biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá nguyên liệu đầu vào và giá thành sản phẩm, tuy nhiên đây là rủi ro khách quan, không nằm trong tầm kiểm soát của Công ty. Mặc dù vậy, để hạn chế ảnh hưởng của nguyên nhân này, Công ty luôn chú trọng theo sát chính sách tiền tệ và tài khóa của Nhà nước, để có kế hoạch phù hợp.

2. Rủi ro về luật pháp

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân... Tuy nhiên, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, do đó các luật và văn bản dưới luật này sẽ có thể được chỉnh sửa cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những sự thay đổi này sẽ có thể gây ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn tiếp cận sớm và tham khảo các chính sách, văn bản mới nhất nhằm triển khai thực hiện theo đúng các quy định pháp lý, hạn chế rủi ro về pháp lý có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro về công nghệ

Nhân tố công nghệ đang tác động rất lớn do nhựa đã trở thành nguyên liệu sản xuất thay thế



các sản phẩm truyền thống như gỗ, kim loại... trong nhiều ngành sản xuất. Tuy nhiên, trong số các máy ép đúc tạo các bộ phận (phụ tùng) nhựa cho các thiết bị điện tử, thiết bị điện, xe máy, ô tô.... nhiều doanh nghiệp nhựa đang sở hữu, số liệu khảo sát của chuyên gia cho thấy, khoảng 75% vẫn là thiết bị máy móc cũ. Trình độ công nghệ hạn chế khiến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhựa cũng như sản phẩm nhựa Việt Nam còn rất thấp. Vì vậy, để tránh những tác động tiêu cực của rủi ro về công nghệ, Công ty luôn chủ động các kế hoạch đổi mới công nghệ máy móc, xây dựng một nền tảng được cấu trúc tốt về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các kỹ thuật ứng dụng cùng với đội ngũ nhân lực và các quy trình hỗ trợ được hiểu rõ, quản lý tốt.

3.2 Rủi ro cạnh tranh

Nhận thấy tiềm năng thị trường nhựa Việt Nam còn lớn, cùng với những ưu đãi từ các FTA mà Việt Nam đã ký kết, nhiều doanh nghiệp nước ngoài đã đầu tư vào lĩnh vực nhựa Việt Nam để tận dụng lợi thế. Do trình độ phát triển còn non kém, ngành nhựa Việt Nam đang đứng trước nguy cơ bị thôn tóm bởi làn sóng mua bán - sáp nhập (M&A) đang diễn ra rất mạnh. Cùng với đó, hiện nay, các doanh nghiệp nhựa nội địa cũng đang cạnh tranh khá gay gắt. Nhằm tối ưu lợi thế, Công ty luôn chú trọng đổi mới công nghệ sản xuất, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, thẩm mỹ và tinh xảo để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hàng chất lượng cao của khách hàng trong nước và hướng tới mục tiêu xuất khẩu.

3.3 Rủi ro tỷ giá

Chi phí nguyên liệu sản xuất nhựa hiện chiếm tỷ trọng từ 75-80% trong cơ cấu chi phí. Vì vậy, biến động về chi phí nguyên vật liệu do ảnh hưởng của tỷ giá có tác động rất lớn tới lợi nhuận của Công ty. Thực tiễn đã cho thấy, giá nhựa nguyên liệu nhập khẩu thường biến động tương ứng với thay đổi giá dầu thế giới. Những năm gần đây, giá dầu tăng/giảm rất bất thường, khó dự đoán, nhiều doanh nghiệp nhựa đã phải gánh chịu rủi ro chi phí nguyên liệu đầu vào tăng do biến động chênh lệch tỷ giá bất lợi, thậm chí bị các nhà cung ứng nguyên liệu ép giá, dẫn đến kinh doanh thua lỗ. Để hạn chế bớt rủi ro, Công ty luôn theo dõi tình hình biến động giá nguyên vật liệu, giá dầu trên thị trường, dự báo biến động để dự trữ hàng tồn kho giá thấp khi dự báo giá nguyên vật liệu tiếp tục tăng và ở mức cao trong thời gian tới.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1 Rủi ro của việc chào bán

Giá cổ phiếu được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Giá cổ phiếu Công ty không nằm ngoài quy luật chung đó. Ngành sản xuất lao đao do thiếu hụt nguyên liệu sản xuất, thị trường tiêu thụ bị co hẹp, đồng thời thị trường chứng khoán vẫn đang diễn biến phức tạp và khó dự báo do hậu quả của Covid – 19. Do vậy, Công ty có thể gặp rủi ro chưa



phân phối hết dẫn đến Công ty không đạt tỷ lệ đủ để thỏa mãn điều kiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán. Trong trường hợp không phân hồi hết số lượng cổ phiếu chào bán sau khi thực hiện các biện pháp xử lý cổ phiếu không được chào bán hết, gia hạn chào bán... dẫn tới kế hoạch huy động vốn sẽ bị ảnh hưởng, vì vậy, Hội đồng quản trị sẽ chủ động chuẩn bị kế hoạch dự phòng để huy động phần vốn bị thiếu như: vay ngân hàng, chào bán trái phiếu...

Tuy nhiên, tại Việt Nam, tình hình dịch Covid – 19 đã được kiểm soát cùng với các biện pháp hỗ trợ hiệu quả của Chính phủ sẽ làm tăng khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư, đảm bảo sự thành công của đợt chào bán.

4.2 Rủi ro của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để đầu tư thực hiện Giai đoạn 1 “Dự án phát triển sản phẩm mới Pallet và Thùng rác công nghiệp”. Đại dịch Covid-19 bất ổn đã khiến cho tình hình hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam đã có nhiều chính sách thuận lợi giúp tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp. Cùng với chiến lược phát triển đúng đắn của Ban lãnh đạo Công ty từ thời điểm thành lập, nhu cầu thiết yếu của các sản phẩm được Công ty sản xuất đối với người tiêu dùng và mục tiêu phát triển để trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong ngành thì rủi ro đến từ việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán được đánh giá là không đáng kể.

5. Rủi ro pha loãng

5.1 Rủi ro pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi Cổ phần (EPS):

Dự kiến mức độ pha loãng EPS của cổ phiếu sau phát hành lần đầu ra công chúng như sau:

$EPS = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Số lượng Cổ phiếu lưu hành bình quân}$

$$\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X*12+Y*t}{12}$$

Trong đó:

- X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành
- Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm
- t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của Cổ phiếu phát hành thêm

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần EPS sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Giá trị |
|-----|--|-------------|----------------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 (dự kiến) | Đồng | 66.800.000.000 |
| 2 | Số lượng cổ phiếu lưu hành vào thời điểm phát hành | Cổ phiếu | 15.000.000 |
| 3 | Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành | Cổ phiếu | 5.000.000 |
| 4 | Số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi phát hành | Cổ phiếu | 20.000.000 |



| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Giá trị |
|-----|--|-------------|---------|
| 5 | Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2021 (dự kiến) khi chưa phát hành | Đồng | 4.453 |
| 6 | Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2021 (dự kiến) khi hoàn thành đợt phát hành | Đồng | 3.340 |

Việc tăng số lượng cổ phiếu từ việc phát hành thêm đã làm cho EPS dự kiến năm 2021 giảm từ 4.453 đồng/cổ phiếu xuống 3.340 đồng/cổ phiếu, tương đương giảm 24,99%. Tuy nhiên, việc EPS dự kiến năm 2021 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt phát hành thì hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành trong thời gian tới sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và sẽ tạo được sự tăng trưởng dài hạn EPS trong những năm tiếp theo.

5.2 Đánh giá mức độ pha loãng giá Cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu chào bán ra công chúng trong đợt này là 5.000.000 cổ phiếu, tương đương 33,33% cổ phần đang lưu hành.

Sau khi chào bán lượng cổ phiếu để huy động vốn, giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định. Sự điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu được tính theo công thức:

$$P_{TC} = \frac{PR_{t-1} - (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

P_{TC} : Giá thị trường của cổ phiếu bị pha loãng

I : tỷ lệ vốn tăng (%)

PR_{t-1} : Giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng

PR : Giá bán cho Nhà đầu tư mua cổ phiếu phát hành trong đợt mới

Phần vốn điều lệ tăng thêm tương ứng 33,33% vốn điều lệ tương ứng với số lượng cổ phần đang lưu hành trước khi thực hiện đợt phát hành. Vì vậy, với phương án phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng như trên sẽ dẫn tới việc pha loãng cổ phiếu.

Cụ thể, giá định giá thị trường cổ phiếu của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành trước ngày bị pha loãng là: 11.000 VND/cổ phiếu. Giá điều chỉnh kỹ thuật được tính như sau:

$$P_{TC} = \frac{11.000 + (33,33\% \times 10.000)}{1 + 33,33\%} = 10.750$$

Như vậy, giá cổ phiếu sau khi phát hành được điều chỉnh kỹ thuật và làm tròn là 10.750 đồng/cổ phiếu, giảm 250 đồng/cổ phiếu so với giá của cổ phiếu trước ngày phát hành. Trong trường hợp, giá bán cổ phiếu mới cho các nhà đầu tư cao hơn giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng, thì P_{TC} sẽ lớn hơn PR_{t-1} và PR_{t-1} càng thấp thì $P - PR_{t-1}$ càng cao.

**5.3 Về pha loãng giá trị sổ sách**

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi trong trường hợp giá phát hành thấp hơn giá trị sổ sách mỗi cổ phần tại thời điểm phát hành.

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phần (BV)} = \frac{(\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát})}{(\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành} - \text{Cổ phiếu quỹ})}$$

So sánh BV tại thời điểm 31/12/2021 trong 02 trường hợp sau:

| STT | Nội dung | Không phát hành (đồng) | Phát hành (đồng) |
|-----|---|------------------------|------------------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế (dự kiến) | 67.000.000.000 | 67.000.000.000 |
| 2 | Số CP lưu hành tại thời điểm 31/12/2021 | 15.000.000 | 20.000.000 |
| 3 | Số CP quỹ | - | - |
| 4 | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | - | - |
| 5 | Vốn chủ sở hữu (dự kiến) | 231.786.588.555 | 286.786.588.555 |
| 6 | Giá trị sổ sách (BV) | 15.452 | 14.339 |

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị pha loãng do phát hành thêm cổ phiếu với giá thấp hơn giá trị sổ sách hiện tại. Cụ thể, giá trị sổ sách một cổ phần sau khi phát hành bị giảm 7,2% so với trước khi chào bán. Mức giảm này được đánh giá là không gây bất lợi cho nhà đầu tư trong dài hạn.

6. Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro quản trị công ty xuất phát từ việc quản trị công ty yếu kém, ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài và ổn định của Công ty, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng Quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây ra rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty... cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của cổ đông và người lao động.

Trong trường hợp Hội đồng Quản trị, Ban điều hành Công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền lợi cổ đông. Ngoài ra, việc phát hành cổ phiếu cũng tạo áp lực về Doanh



thu, Lợi nhuận, Cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn, ... khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa phù hợp.

Để khắc phục rủi ro về quản trị như trên, Nhựa Việt Thành luôn hoàn thiện các quy chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giám sát trong hoạt động kinh doanh. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện website, thực hiện công bố, cập nhật thông tin thường xuyên tới cổ đông, thực hiện tốt công tác quan hệ cổ đông, làm cầu nối giữa cổ đông và Công ty.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính chất bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn, cháy nổ... Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên đánh giá nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hóa và tài sản của Công ty.



PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Bản cáo bạch** : Bản công bố thông tin của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- Cổ đông** : Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành.
- Điều lệ** : Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành thông qua.
- Vốn điều lệ** : Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành.
- Cổ phần** : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu** : Chứng chỉ do Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành.
- Người có liên quan** : Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
 - Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:


| | |
|--------------------------------|--|
| Nhựa Việt Thành/Công ty | : Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành |
| BKS | : Ban kiểm soát |
| ĐHĐCĐ | : Đại hội đồng Cổ đông |
| HĐQT | : Hội đồng Quản trị |
| CTCP | : Công ty Cổ phần |
| VSD | : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam |
| HNX | : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
| Đvt | : Đơn vị tính |
| HĐKD | : Hoạt động kinh doanh |
| SXKD | : Sản xuất kinh doanh |
| KHKD | : Kế hoạch kinh doanh |
| LNTT | : Lợi nhuận trước thuế |
| AGR/Agribanco | : Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank |
| BCTC | : Báo cáo Tài chính |
| UBCKNN | : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| VNĐ | : Đơn vị tiền tệ của Việt Nam |
| CBCNV | : Cán bộ công nhân viên |
| CMND | : Chứng minh nhân dân |
| CP | : Cổ phần |
| BĐS | : Bất động sản |
| TSCĐ | : Tài sản cố định |
| GDP | : Tổng sản phẩm quốc nội |
| CNTT | : Công nghệ thông tin |
| PR | : Quan hệ công chúng |
| TGD | : Tổng Giám đốc |
| VĐL | : Vốn điều lệ |
| CNĐKDN | : Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| Tp. | : Thành phố |
| QLDN | : Quản lý doanh nghiệp |



Các nhóm từ tài chính trong Bản cáo bạch này được hiểu như sau:

| | |
|------------------|---|
| EPS | : Thu nhập trên mỗi Cổ phần |
| ROA | : Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản |
| ROE | : Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu |
| Thuế TNDN | : Thuế thu nhập doanh nghiệp |
| TTS | : Tổng tài sản |
| DTT | : Doanh thu thuần |

**PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH****1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành****1.1 Giới thiệu chung về Công ty**

Tên đầy đủ : Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành
Tên giao dịch quốc tế : VIET THANH PLASTIC MANUFACTURING AND TRADING JOINT STOCK COMPANY
Trụ sở chính : Số 107 đường 2A, Khu 5, ấp Bình Tả 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
Địa chỉ văn phòng : Số 611/2 Trần Đại Nghĩa, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại : (028) 36 207 540 Fax: (028) 35 350 460
Website : <https://vithacoplastic.com>
Logo : 
Vốn điều lệ đăng ký : 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)
Giấy CNĐKDN : Số 0310710930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/03/2011; đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 09/04/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp.
Người đại diện theo pháp luật : Ông **Phan Văn Quân** Chức danh: **Tổng Giám đốc**

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Nhựa Việt Thành theo danh mục ngành nghề đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An như sau:

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty

| Stt | Mã ngành | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|-----|--------------|---|
| 1. | 2013 (Chính) | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (trừ tái chế phế thải nhựa, luyện cán cao su tại trụ sở) |
| 2. | 4669 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn nhựa, nguyên vật liệu nhựa. |
| 3. | 4659 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác |
| 4. | 4933 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển) |



| Stt | Mã ngành | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|-----|----------|--|
| 5. | 4662 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và phi kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, lá, dải, dạng hình (trừ mua bán vàng miếng và phế thải, phế liệu kim loại). |
| 6. | 2592 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Hàn bàn, ghế, tủ sắt |

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

2.1 Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nhựa Việt Thành được thành lập vào tháng 03/2011 với mức vốn điều lệ ban đầu là 4 tỷ đồng. Công ty chuyên sản xuất và thương mại nhựa gia dụng như: tủ nhựa, bàn nhựa, ghế nhựa, sọt nhựa, rổ nhựa, ... được người tiêu dùng tin tưởng và bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao nhiều năm liền. Trong quá trình phát triển, Công ty đã tăng vốn điều lệ để đáp ứng quy mô hoạt động sản xuất. Hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ đồng và Công ty đang có kế hoạch tăng vốn để phát triển sản phẩm mới Pallet và thùng rác công nghiệp.
- Với sự kết hợp giữa dây chuyền máy móc đến từ Nhật Bản, Đài Loan, ... với trí tuệ Việt, Nhựa Việt Thành luôn cho ra thị trường những sản phẩm mang giá trị chất lượng cao, mẫu mã đa dạng, màu sắc tươi mới đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Đồng thời với việc sử dụng nguồn nguyên liệu 100% chính phẩm được nhập từ các quốc gia trên thế giới tạo nên sản phẩm Nhựa Việt Thành chất lượng vượt trội.
- Ngay từ những năm đầu hoạt động, hiểu biết được đặc thù sản phẩm là sản phẩm tiêu dùng. Ban Lãnh đạo đã đặc biệt quan tâm đến hệ thống phân phối của Công ty. Định hướng phát triển của Ban lãnh đạo là tạo ra hệ thống phân phối riêng của Công ty tạo sự khác biệt với các đối thủ cạnh tranh khác cùng ngành. Hiện nay, sau gần 11 năm hình thành và phát triển, Công ty có 38 nhà phân phối cấp I, sở hữu hơn 200 đại lý phân phối cấp II trải khắp 32 tỉnh thành phố kéo dài từ Miền Trung đến Miền tây Nam Bộ tiến dần đến mục tiêu mỗi tỉnh thành phố của Việt Nam sẽ có ít nhất 01 đến 02 nhà phân phối cấp I của Công ty.
- Song song với hoạt động phát triển nhà phân phối, Công ty phát triển hệ thống logistic đảm bảo hàng hóa được luân chuyển một cách chính xác và kịp thời. Thời gian tới, Công ty tiếp tục phát triển mạnh hệ thống Logistic để đáp ứng nhu cầu vận chuyển ngày càng cao của Công ty và tối ưu hóa lợi ích của Logistic.
- Trong quá trình hình thành và phát triển, Nhựa Việt Thành nhận được sự tín nhiệm và tin tưởng của người tiêu dùng và được người tiêu dùng Việt Nam bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao trong nhiều năm liền cụ thể:



- + Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2016
- + Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2017
- + Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2018
- + Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2019
- + Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2020
- Ngoài ra, năm 2019 Công ty còn vinh dự nhận được chứng nhận là 1 trong 50 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam bình chọn.

Hình ảnh một số giải thưởng, chứng nhận của Công ty



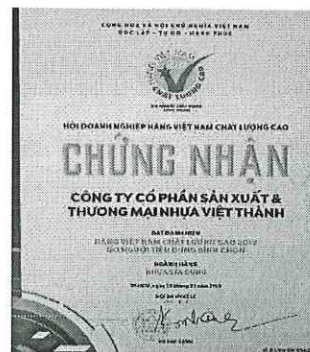
Giấy Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2016



Giấy Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2017



Giấy Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2018



Giấy Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2019



Giấy Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2020



Giấy Chứng nhận Nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam



2.2 Tầm nhìn, sứ mệnh và Giá trị cốt lõi

❖ **Tầm nhìn**

Ban Lãnh đạo Công ty đặt ra mục tiêu trước năm 2025, trở thành top 3 nhà sản xuất phân phối tiêu thụ hàng nhựa tiêu dùng và Top 5 nhà sản xuất phân phối tiêu thụ hàng nhựa công nghiệp tại Việt Nam.

❖ **Slogan**

Sản phẩm chất lượng - Giá cả cạnh tranh - Dịch vụ nhanh chóng.

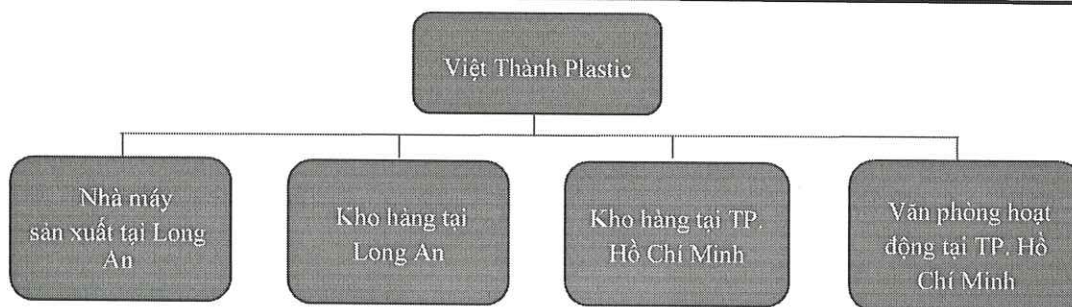
❖ **Sứ mệnh**

- Đối với cổ đông: Chia sẻ cơ hội, chia sẻ quyền lợi và hướng tới thành công
- Đối với người tiêu dùng: Tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, có tính sử dụng cao ứng dụng vào đời sống thực tế.
- Đối với môi trường: Nghiên cứu sản xuất tạo ra sản phẩm thân thiện với môi trường, sản xuất các sản phẩm nhựa tái chế góp vào mục tiêu chung giảm rác thải nhựa trên toàn thế giới.
- Đối với người lao động: Tạo công ăn việc làm cho người lao động, tạo ra môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, có nhân văn, có thu nhập ổn định và cơ hội phát triển công bằng đối với tất cả các Cán bộ công nhân viên Công ty.
- Đối với xã hội: Hải hòa lợi ích của Công ty với lợi ích xã hội, chung tay cùng các hoạt động hướng về cộng đồng.

❖ **Giá trị cốt lõi**

- Chất lượng: Chất lượng sản phẩm là giá trị cốt lõi của Công ty. Với mục tiêu mang lại sản phẩm chất lượng cao, giá trị sử dụng lớn. Công ty luôn luôn quan tâm đến chất lượng khi sản phẩm đến tay người tiêu dùng.
- Uy tín: Uy tín chính là danh dự của của Doanh nghiệp. Nhựa Việt Thành quan tâm đến uy tín của Công ty với đối tác, uy tín với nhà phân phối, uy tín với Cán bộ nhân viên. Nhựa Việt Thành luôn nỗ lực để thực hiện đúng cam kết với khách hàng tạo ra sản phẩm chất lượng, cam kết với đối tác, và cam kết với Cán bộ công nhân viên.
- Sáng tạo: Nhựa Việt Thành xác định SÁNG TẠO là mang lại giá trị gia tăng cao nhất. SÁNG TẠO về kiểu dáng, màu sắc, công năng sử dụng để tạo ra sự khác biệt về giá trị.
- Trách nhiệm: Trách nhiệm cao tới người tiêu dùng. Trách nhiệm với môi trường. Lấy chữ tín làm chuẩn mực đối với khách hàng và các đối tác. Luôn đặt khách hàng là trung tâm của mọi hoạt động, đồng thời luôn minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành



Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Công ty đặt nhà máy sản xuất tại: Số 107 đường 2A, Khu 5, ấp Bình Tả 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Địa chỉ văn phòng tại TP. HCM: Số 611/2 Trần Đại Nghĩa, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp HCM.

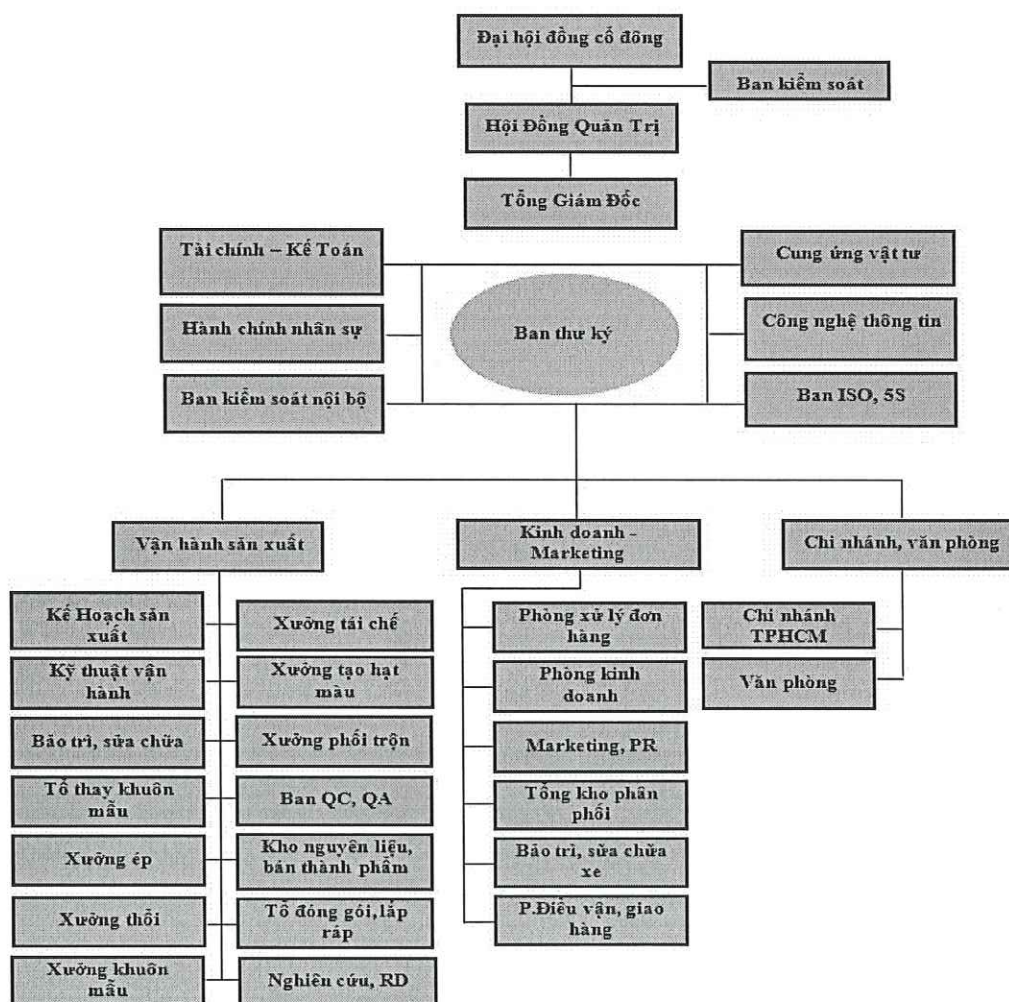
Giấy CNĐKKD số: 0310710930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/03/2011. Nhựa Việt Thành được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, trụ sở chính là nơi làm việc, tổ chức hợp của các cơ quan quan trọng của Công ty. Bao gồm:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, bộ phận chức năng;
- Nhà máy sản xuất;
- Kho hàng tại Long An và TP. Hồ Chí Minh
- Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh.



4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty



Nguồn: Nhựa Việt Thành

❖ Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Ban kiểm soát; Báo cáo của Hội đồng Quản trị; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

❖ Hội đồng Quản trị



Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Công ty gồm 05 (năm) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Các quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty hiện có 05 thành viên bao gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 Thành viên trong đó có 02 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Bảng 2: Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

| Stt | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|--------------------------------------|
| 1. | Nguyễn Văn Tuấn | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 2. | Phan Văn Quân | Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc |
| 3. | Phan Hùng Cường | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 4. | Nguyễn Tiến Tùng | Thành viên Hội đồng quản trị độc lập |
| 5. | Hoàng Đỗ Nguyên Thắng | Thành viên Hội đồng quản trị độc lập |

Nguồn: Nhựa Việt Thành

❖ **Ban Kiểm soát**

- Ban kiểm soát (BKS) của Công ty gồm ba (03) thành viên do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm; thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
- BKS thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty.

Bảng 3: Danh sách Ban Kiểm soát

| Stt | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-------------------|--------------------------|
| 1. | Nguyễn Trọng Huy | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. | Phan Thị Thanh Lý | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3. | Phạm Đức Cường | Thành viên Ban kiểm soát |

Nguồn: Nhựa Việt Thành

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

- Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm ba (03) người gồm: 01 Tổng Giám đốc và 02



Phó Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

- Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được Tổng Giám đốc phân công.

Bảng 4: Thành viên Ban Tổng Giám đốc

| Stt | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-------------------|-------------------|
| 1. | Phan Văn Quân | Tổng giám đốc |
| 2. | Nguyễn Trung Ngọc | Phó Tổng giám đốc |
| 3. | Hồ Văn Quyền | Phó Tổng giám đốc |

Nguồn: Nhựa Việt Thành

❖ Bộ phận kế toán

- Chức năng:
 - o Tham mưu cho ban TGD về chế độ kế toán và công tác quản lý tài chính.
 - o Thu thập và xử lý thông tin có liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong kỳ kế toán.
 - o Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dựa trên cơ sở các thông tin tài chính của Công ty, thực hiện theo dõi báo cáo và đơn đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã xây dựng.
 - o Tham mưu đề xuất việc khai thác, huy động và sử dụng các nguồn vốn của Công ty một cách kịp thời cho sản xuất kinh doanh.
 - o Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban khác nhằm phục vụ tốt công tác kinh doanh của Công ty.
- Nhiệm vụ:
 - o Tổ chức công tác kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ, hệ thống sổ sách và ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính của Công ty mẹ, công ty con, báo cáo hợp nhất theo đúng quy định của pháp luật.
 - o Lập báo cáo quản trị, báo cáo ban TGD báo cáo tài chính và báo cáo quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.
 - o Đề xuất các phương án huy động, sử dụng vốn của Công ty. Lập các hồ sơ liên quan đến công việc huy động và sử dụng vốn của Công ty.
 - o Thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước đúng theo quy định của pháp luật.



- Báo cáo ban TGD về tình hình tài chính của Công ty, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trình ban TGD, theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch đã đề ra.
- Đo lường đánh giá hiệu quả của Phòng báo cáo ban Tổng Giám đốc.

❖ **Phòng Hành chính nhân sự**

- Hoạch định và phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng theo đúng nhu cầu và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Hoạch định ngân sách nhân sự phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty.
- Xây dựng chế độ tiền lương cho nhân sự của Công ty.
- Xây dựng chính sách về nhân sự như: môi quan hệ lao động, tiêu chuẩn công việc, an toàn lao động, sức khỏe và các vấn đề khác cho người lao động.
- Nghiên cứu hợp lý hóa cơ cấu tổ chức đáp ứng được nhu cầu phát triển, tạo sự linh hoạt trong hệ thống.
- Quy hoạch đội ngũ kế cận và thiết lập lộ trình thăng tiến cho CBCNV.
- Lập kế hoạch nhân sự, tuyển dụng hàng quý, hàng năm.
- Dự trù ngân sách tuyển dụng, hoàn thành thủ tục, quy trình tuyển dụng.
- Tuyển dụng nhân viên theo đúng yêu cầu các phòng ban, thực hiện phân công nhân viên về các phòng ban theo đúng quy trình thủ tục.
- Đánh giá chất lượng tuyển dụng báo cáo lãnh đạo Công ty.
- Tổ chức đào tạo, đánh giá thành tích, năng lực CBCNV, quản lý mối quan hệ nhân sự, lương, thưởng.
- Quản lý hồ sơ và các tài sản hành chính tại văn phòng Công ty.
- Theo dõi giám sát kiểm tra việc sử dụng các tài sản hành chính tại văn phòng.
- Quản lý dấu và ấn dấu, và các công việc thuộc hành chính như: tiếp công văn đi, công văn đến và phân về các phòng ban, lưu trữ bảo vệ các tài liệu của Công ty.
- Định kỳ báo cáo công tác lưu trữ, công tác quản lý hồ sơ cho trưởng phòng Hành chính.
- Quản lý bộ phận bảo vệ của Công ty.

❖ **Phòng Kinh doanh**

- Tổ chức nghiên cứu & phát triển sản phẩm, phát triển thị trường; xây dựng và phát triển mối quan hệ khách hàng; chịu trách nhiệm với TGD về các chức năng nhiệm vụ được giao.
- Tổ chức bộ máy nhân sự, phân công công việc trong Phòng để hoàn thành kế hoạch kinh doanh, kế hoạch công việc của phòng đã được phê duyệt theo từng thời kỳ.
- Thực hiện báo cáo quản trị theo quy định của Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu của ban TGD.



- Đánh giá việc tổ chức thực hiện quy trình để liên tục cải tiến nâng cao hoạt động kinh doanh.

❖ **Phòng Mua hàng**

- Phối hợp các phòng, lên kế hoạch thu mua nguyên vật liệu. Am hiểu lĩnh vực ngành hàng mình đang cung ứng, xác định tiêu chuẩn cụ thể cho từng hạng mục sản phẩm hàng hóa. Thẩm định chất lượng hàng hóa trên tiêu chuẩn đã có.
- Đảm bảo các sản phẩm hàng hóa mua về trong mức đơn giá quy định của Công ty.
- Nghiên cứu và lựa chọn nhà cung cấp: Tìm các nhà cung cấp đáp ứng được các nhu cầu về chất lượng hàng hóa, giá cả ổn định, tiết kiệm chi phí vận chuyển cho Công ty.
- Thống kê ghi chép (phiếu nhập xuất kho, biên bản bàn giao máy móc, thiết bị, sổ theo dõi cung cấp vật tư) theo quy định của Công ty, Nhà nước.
- Hoàn thiện thủ tục thanh toán cho nhà cung cấp trong nước theo đúng thời hạn ghi trên hợp đồng mua bán.
- Quản lý kho hàng của Công ty, nhập xuất hàng hóa qua phần mềm, sắp xếp hàng hóa gọn gàng ngăn nắp, vệ sinh hàng hóa, thiết bị thường xuyên. Báo cáo hàng tồn kho định kỳ hàng tháng, quý, năm.
- Kết hợp các phòng ban khác để lập dự toán chi phí cho các hợp đồng.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc thẩm quyền mua sắm thiết bị, thanh lý các thiết bị không còn hiệu quả khai thác.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Tổng Giám đốc Công ty.

❖ **Ban Kế hoạch**

- Tổ chức lập kế hoạch tham mưu, giúp việc cho TGD về công tác kinh doanh các sản phẩm thương mại và dịch vụ của Công ty (xây dựng chính sách bán hàng, sản phẩm thu hút khách hàng,...);
- Thực hiện xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh doanh và mạng lưới khách hàng theo tháng, theo quý, theo năm;
- Triển khai các kế hoạch sản xuất xuống xưởng sản xuất;
- Theo dõi và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch của các phòng ban theo định kỳ quy định của Ban điều hành.

❖ **Ban Kỹ thuật**

- Quản lý, điều hành và kiểm tra những việc liên quan đến kỹ thuật, công nghệ nhằm đảm bảo tiến độ sản xuất, kế hoạch của Công ty. Đồng thời đảm bảo an toàn lao động, chất lượng cũng như khối lượng và hiệu quả hoạt động của toàn Công ty.
- Quản lý việc sử dụng, sửa chữa, bảo trì, mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng phương án thi công, phương án kỹ thuật cho các dự án; xác định các loại

Tuyen



phương tiện, máy móc, thiết bị thi công và các nguồn lực cần thiết khác cho việc thực hiện dự án và các kế hoạch sản xuất.

- Kiểm tra khối lượng, chất lượng, quy cách vật tư và xác định mức hao phí phù hợp với cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật được duyệt.

❖ **Ban Sản xuất**

- Theo dõi tình hình về sản xuất của Công ty, đảm bảo các yếu tố về kỹ thuật, các hoạt động xuất nhập khẩu, các hoạt động nghiên cứu để đổi mới sản phẩm, hoạt động đánh giá chất lượng sản phẩm, hoạt động vận chuyển sản phẩm đến với khách hàng, hoạt động quản lý sản phẩm theo đúng chất lượng,....
- Đảm bảo tiến độ sản xuất kịp thời, số lượng cũng như chất lượng hàng hóa đạt tiêu chuẩn theo đúng kế hoạch đề ra.
- Lên kế hoạch về nhu cầu, điều phối, luân chuyển trang thiết bị vật tư.
- Quản lý nhân sự, quản lý sử dụng trang thiết bị, tổ chức sản xuất, an toàn lao động.
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo tổ chức sản xuất tối đa hóa công suất sản xuất của máy móc thiết bị.
- Quản lý kho hàng của Công ty trực thuộc nhà máy sản xuất.
- Theo dõi, giám sát quá trình và báo cáo tiến độ sản xuất hàng ngày với cấp trên.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1 Danh sách công ty mẹ của Tổ chức phát hành

Không có

5.2 Danh sách công ty con của Tổ chức phát hành

Không có

5.3 Danh sách những công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

6.1 Quá trình tăng vốn

Kể từ khi thành lập đến nay Công ty đã thực hiện 07 đợt tăng vốn điều lệ cụ thể như sau:



BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG



Bảng 5: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Đvt: Triệu đồng

| Thời gian | SLCP tăng | Giá trị vốn tăng | VĐL sau tăng | Hình thức tăng vốn | Đối tượng chào bán | Số lượng cổ đông được chào bán | Cơ sở tăng vốn | Đơn vị cấp |
|--------------|-----------|------------------|--------------|--------------------|--------------------|--------------------------------|--|--|
| 27/03/2011 | | | 4.000.000 | Góp vốn bằng tiền | Cổ đông sáng lập | 05 cổ đông | BBGV Thành lập Công ty số 01/2011/BBGV ngày 05/03/2011 | GCN ĐKKD số 0310710930 do Sở KHĐT TP.HCM cấp ngày 22/03/2011 |
| [013/06/2013 | 600.000 | 6.000.000 | 10.000.000 | Góp vốn bằng tiền | Cổ đông hiện hữu | 03 cổ đông | NQ ĐHCĐ số 01/2013/VT/NQ-ĐHCĐ ngày 05/06/2013 | GCN ĐKKD số 0310710930 do Sở KHĐT TP.HCM cấp ngày 13/06/2013 |
| 24/08/2017 | 1.500.000 | 15.000.000 | 25.000.000 | Góp vốn bằng tiền | Cổ đông hiện hữu | 03 cổ đông | NQ ĐHCĐ số 01/2017/VT/NQ-ĐHCĐ ngày 01/07/2017 | GCN ĐKKD số 0310710930 do Sở KHĐT TP.HCM cấp ngày 13/07/2017 |
| 16/08/2018 | 1.500.000 | 15.000.000 | 40.000.000 | Góp vốn bằng tiền | Cổ đông hiện hữu | 03 cổ đông | NQ ĐHCĐ số 01/2018/VT/NQ-ĐHCĐ ngày 05/08/2018 | GCN ĐKKD số 0310710930 do Sở KHĐT TP.HCM cấp ngày 16/08/2018 |
| 15/03/2019 | 1.000.000 | 10.000.000 | 50.000.000 | Góp vốn bằng tiền | Cổ đông hiện hữu | 03 cổ đông | NQ ĐHCĐ số 02/2018/VT/NQ-ĐHCĐ ngày 15/12/2018 | GCN ĐKKD số 0310710930 do Sở KHĐT TP.HCM cấp ngày 28/12/2018 |
| 19/03/2020 | 2.000.000 | 20.000.000 | 70.000.000 | Góp vốn bằng tiền | Cổ đông hiện hữu | 03 cổ đông | NQ ĐHCĐ số 01/2019/VT/NQ-ĐHCĐ ngày 20/07/2019 | GCN ĐKKD số 0310710930 do Sở KHĐT TP.HCM cấp ngày 30/12/2019 |

Tuyen

71
IG
VSA
GM
TH
11-1
11/1 6 5 0 0 1 1 1



BẢN CÁO BẠCH PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG



| Thời gian | SLCP tăng | Giá trị vốn tăng | VĐL sau tăng | Hình thức tăng vốn | Đối tượng chào bán | Số lượng cổ đông được chào bán | Cơ sở tăng vốn | Đơn vị cấp |
|------------|-----------|------------------|--------------|--------------------|--------------------|--------------------------------|---|--|
| 30/12/2020 | 3.000.000 | 30.000.000 | 100.000.000 | Góp vốn bằng tiền | Cổ đông hiện hữu | 12 cổ đông | NQ ĐHCĐ số 01/2020/VT/NQ-ĐHCĐBT ngày 15/12/2020 | GCN ĐKKD số 0310710930 do Sở KHĐT tỉnh Long An cấp ngày 04/01/2021 |
| 30/03/2021 | 5.000.000 | 50.000.000 | 150.000.000 | Góp vốn bằng tiền | Cổ đông hiện hữu | 12 cổ đông | NQ ĐHCĐ số 01/2021/VT/NQ-ĐHCĐBT ngày 15/03/2021 | GCN ĐKKD số 0310710930 do Sở KHĐT tỉnh Long An cấp ngày 09/04/2021 |

Nguồn: *Nhựa Việt Thành*

Thuy

11/27/2021 11:27:19

**6.2 Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất**

✚ Nội dung phương án phát hành:

| | |
|--|---|
| Tên cổ phiếu phát hành | : Cổ phiếu Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành |
| Loại cổ phiếu | : Cổ phiếu phổ thông |
| Hình thức phát hành | : Cho cổ đông hiện hữu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành thêm | : 5.000.000 cổ phần |
| Giá phát hành | : 10.000 đồng/cổ phiếu |
| Tỷ lệ thực hiện quyền | : 2:1 (Tại ngày họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2020 của Công ty, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua và cứ 2 quyền mua sẽ được mua 1 cổ phiếu mới) |
| Tổng giá trị vốn huy động | : 50.000.000.000 (Năm mươi tỷ đồng) |
| Mục đích sử dụng vốn thu được | : Bổ sung vốn lưu động và thanh toán cho ngân hàng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 01/VTN/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 15/03/2021. |

✚ Ý kiến của kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất:

Ý kiến báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn số 75b-2/BCKT/KTV phát hành bởi tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), tổ chức thực hiện kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu cho đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 đồng lên 150.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn”.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Không có

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành**8.1 Cổ phiếu phổ thông****Bảng 6: Cơ cấu Cổ đông của Công ty**

| Stt | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|--------------------|------------------|------------------|------------------|
| I | Cổ đông trong nước | 95 | 15.000.000 | 100% |

Tuyen



| Stt | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----------|---|------------------|-------------------|------------------|
| 1 | Tổ chức | - | - | - |
| 2 | Cá nhân | 95 | 15.000.000 | 100% |
| II | Cổ đông nước ngoài | - | - | - |
| 1 | Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | - | - | - |
| 2 | Cá nhân | - | - | - |
| | Tổng cộng | 95 | 15.000.000 | 100% |

Nguồn: Tổng hợp từ Danh sách Cổ đông của Nhựa Việt Thành chốt ngày 05/05/2021

8.2 Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3 Các loại chứng khoán khác

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

9.1 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài tại Công ty tuân theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và Luật đầu tư nước ngoài năm 2020 và các quy định có liên quan.

Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với từng lĩnh vực hoạt động của Công ty được thể hiện cụ thể theo bảng sau:

Bảng 7: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài với từng lĩnh vực kinh doanh của Công ty

| Stt | Mã ngành | Tên ngành, nghề kinh doanh | Tỷ lệ sở hữu nước ngoài | Địa chỉ trích dẫn/giải trình |
|-----|--------------|---|-------------------------|---|
| 1. | 2013 (Chính) | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (trừ tái chế phế thải nhựa, luyện cán cao su tại trụ sở) | 100% | - Không thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư năm 2020 (Phụ lục 04). - Các văn bản, pháp luật liên quan không quy định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài. |
| 2. | 4669 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn nhựa, nguyên vật liệu nhựa. | 100% | - Không thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư năm 2020 (Phụ lục 04). - Các văn bản, pháp luật liên quan không quy định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài. |